

Bản án số: 46 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-04-2025

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

2. Bà La Thị Thu Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiếu

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ T, sinh năm: 2004; địa chỉ: Ấp 2 xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm: 1994; địa chỉ: Tổ 8, ấp Nhân Tiến, xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết và tìm hiểu, bà Võ Thị Mỹ T và ông Võ Văn L chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2023 đến năm 2024 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi kết hôn bà T và ông L sống chung với gia đình bà T tại ấp 2, xã Vị Thủy, huyện vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 8 năm 2024 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên dẫn đến vợ chồng có cãi nhau và đã sống ly thân, ông L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ông L ở tại xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình, mạnh ai lo cho cuộc sống của riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà Võ Thị Mỹ T và ông Võ Văn L có 01 (một) con chung, cháu tên Võ Khả U, giới tính: nữ, sinh ngày: 16/6/2024. Hiện

tại cháu U đang ở chung với bà T tại ấp 2, xã Vị Thủy, huyện vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu U và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Mỹ T xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn L đồng ý với lời trình bày của bà Võ Thị Mỹ T về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông L và bà T là do ông L không cho bà T đi làm vì bà T mới sanh, con còn nhỏ không ai chăm nên vợ chồng có cãi nhau. Hiện ông L và bà T đã sống ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2024 đến nay, thỉnh thoảng ông L cũng về quê thăm vợ con. Nay ông L còn yêu thương vợ con nên ông L không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông Võ Văn L và bà Võ Thị Mỹ T có một (01) con chung cháu tên: Võ Khả U, giới tính: nữ, sinh ngày: 16/6/2024. Khi ly hôn ông L đồng ý để cho bà T được quyền trực tiếp nuôi con; ông L đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Võ Văn L xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Võ Văn L có nơi cư trú tại: Tổ 8, ấp Nhân Tiên, xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà nguyên đơn là bà Võ Thị Mỹ T vắng mặt, tuy nhiên bà T đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy, bà Võ Thị Mỹ T và ông Võ Văn L chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Qua các chứng cứ và lời khai của các đương sự chứng tỏ mâu thuẫn gia đình giữa bà Võ Thị Mỹ T và ông Võ Văn L là có thật và không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T và ông L hiện

đã sống ly thân nhau khoảng từ tháng 9 năm 2024 đến nay; như vậy yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Bà Võ Thị Mỹ T và ông Võ Văn L có với nhau một người con chung, cháu tên Võ Khả U, sinh ngày 16/06/2024. Xét thấy bà T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; Cháu Võ Khả U đang sống chung với bà T từ lúc bà T và ông L sống ly thân đến nay; ông L cũng đồng ý để cho bà T được quyền trực tiếp nuôi con, cháu U hiện cũng đang dưới 3 tuổi nên Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu Võ Khả U, sinh ngày 16/06/2024 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Ông Võ Văn L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật, xét đây là sự tự nguyện của ông L, không trái với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Võ Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; ông Võ Văn L phải nộp 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của bà Võ Thị Mỹ T; Xử cho bà Võ Thị Mỹ T được ly hôn với ông Võ Văn L.

2. Về con chung: Giao con là Võ Khả U, sinh ngày 16/06/2024 cho bà Võ Thị Mỹ T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Ông Võ Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Ông Võ Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Các đương sự khai nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Mỹ T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005186, ngày 06 tháng 11 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Võ Văn L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho ông Võ Văn L biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Võ Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo qui định của pháp luật, đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Xuyên Mộc (Số 31-15/4/2024);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hiền